

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ TÚ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2023/DS-ST
Ngày 03-3-2023
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ TÚ, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Hồng;

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lý Thanh Chiều.

Ông Đặng Duy Tân.

- Thư ký phiên Tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh là thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú tham gia phiên Tòa: Bà Triệu Thị Mộng Lý – Kiểm Sát viên.

Ngày 03 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 83/2022/TLST-DS ngày 03 tháng 11 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2023/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần B; Địa chỉ: Tầng 1, 3, 4, 5, 6 Tòa nhà Thaiholdings Tower, số 210 đường T, phường T, Quận H, thành phố Hà Nội;

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Da B - chức vụ: chuyên viên Khách hàng – Phòng giao dịch Mỹ Tú trực thuộc Ngân hàng thương mại cổ phần B – Chi nhánh Sóc Trăng; Địa chỉ: Số 153, Đường H, ấp C, Thị trấn H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (theo Quyết định ủy quyền tham gia tố tụng và thực hiện các công việc liên quan tại Tòa án số: 1066B/2022/QĐ-LienVietPostBank.CNST, ngày 29 tháng 9 năm 2022) (có mặt).

- Bị đơn: Bà Lâm Thị Sà P và ông Danh Sà R; Địa chỉ: ấp T, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29 tháng 9 năm 2022, cũng như trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Da Btrình bày:

Các bị đơn bà Lâm Thị Sà P và ông Danh Sà R vay vốn tại Ngân hàng thương mại cổ phần B – Phòng giao dịch Mỹ Tú, địa chỉ: Số 153 Hùng Vương, ấp Cầu Đồn, Thị trấn Huỳnh Hữu Nghĩa, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng, theo các Hợp đồng dưới đây:

+ Hợp đồng tín dụng số: HDTD37B201900314 ký ngày 25 tháng 12 năm 2019, cụ thể như sau: Số tiền vay: 80.000.000 đồng; Thời hạn hiệu lực của hợp đồng cho vay là 48 tháng; Phương thức cho vay: Từng lần; Kỳ hạn trả gốc: Trả hàng tháng vào ngày 15, trả 48 kỳ, mỗi kỳ trả số tiền đều nhau theo phương thức gốc và lãi chia đều các kỳ. Kỳ trả nợ đầu tiên ngày 15-01-2020; Kỳ hạn trả nợ lãi: Trả hàng tháng cùng kỳ trả nợ gốc; Mục đích sử dụng vốn: Cho vay mua sắm trang thiết bị, nội thất gia đình; Lãi suất: 11%/năm; Phương thức áp dụng và điều chỉnh lãi suất: Áp dụng lãi suất cố định theo dư nợ gốc ban đầu (Add-on); Lãi suất phạt quá hạn: 150% lãi suất cho vay trong hạn; Tài sản bảo đảm: cho vay không có tài sản bảo đảm.

+ Hợp đồng tín dụng số: HDTD37B202100298 ký ngày 20 tháng 7 năm 2021, cụ thể như sau: Số tiền vay: 10.000.000 đồng (Bằng chữ: Mười triệu đồng); Thời hạn hiệu lực của hợp đồng cho vay là 12 tháng; Phương thức cho vay: Cấp hạn mức thấu chi trên tài khoản thanh toán; Kỳ hạn trả gốc: Trả cuối kỳ; Kỳ hạn trả nợ lãi: Lãi trả hàng tháng; Mục đích sử dụng vốn: Phục vụ mục đích tiêu dùng cá nhân; Lãi suất: 15%/năm; Phương thức áp dụng và điều chỉnh lãi suất: Lãi suất được điều chỉnh định kỳ theo quy định của Ngân hàng; Lãi suất phạt quá hạn: 150% lãi suất cho vay trong hạn; Tài sản bảo đảm: cho vay không có tài sản bảo đảm.

Từ khi vay đến nay các bị đơn bà Lâm Thị Sà P và ông Danh Sà R trả cho nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần B: Hợp đồng tín dụng số: HDTD37B201900314 ký ngày 25 tháng 12 năm 2019 các bị đơn bà Lâm Thị Sà P và ông Danh Sà R trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần B được tiền gốc vay 39.984.008 đồng, trả tiền lãi 18.063.803 đồng; Hợp đồng tín dụng số: HDTD37B202100298 ký ngày 20 tháng 7 năm 2021 các bị đơn bà Lâm Thị Sà P và ông Danh Sà R chưa trả tiền gốc, chỉ trả được 625.000 đồng cho nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần B. Đến ngày 03 tháng 3 năm 2023 các bị đơn bà Lâm Thị Sà P và ông Danh Sà R còn nợ lại nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần B: Hợp đồng tín dụng số: HDTD37B201900314 ký ngày 25 tháng 12 năm 2019 tổng cộng gốc và lãi là 53.280.410 đồng (trong đó: Tiền gốc vay: 40.015.992 đồng, tiền lãi trong hạn: 9.059.860 đồng, tiền lãi quá hạn: 4.204.558 đồng); HDTD37B202100298 ký ngày 20 tháng 7 năm 2021 tổng cộng gốc và lãi là 12.894.702 đồng (Trong đó: Tiền gốc vay: 10.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn:

1.932.877 đồng, tiền lãi quá hạn: 961.825 đồng). Quá trình thực hiện Hợp đồng, các bị đơn bà Lâm Thị Sà P và ông Danh Sà R đã nhiều lần vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng thương mại cổ phần B và phía Ngân hàng thương mại cổ phần B cũng đã nhiều lần đến nhà các bị đơn bà Lâm Thị Sà P và ông Danh Sà R, gửi thông báo nợ quá hạn cũng như lập nhiều biên bản làm việc nhưng khách hàng vẫn không thanh toán nợ.

Theo đơn khởi kiện nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần B yêu cầu các bị đơn bà Lâm Thị Sà P và ông Danh Sà R trả nợ đối với hai Hợp đồng tín dụng (Hợp đồng tín dụng số HDTD37B201900314 ngày 25 tháng 12 năm 2019; Hợp đồng tín dụng số HDTD37B202100298 ngày 20 tháng 7 năm 2021 nhưng tại tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần B thay đổi yêu cầu, chỉ yêu cầu các bị đơn bà Lâm Thị Sà P và ông Danh Sà R trả nợ đối với Hợp đồng tín dụng số HDTD37B201900314 ngày 25 tháng 12 năm 2019, không yêu cầu nghĩa vụ trả nợ đối với Hợp đồng tín dụng số HDTD37B202100298 ngày 20 tháng 7 năm 2021.

Nay nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần B yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc các bị đơn bà Lâm Thị Sà P và ông Danh Sà R phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần B khoản tiền vay còn nợ tính đến ngày 03 tháng 3 năm 2023 đối với Hợp đồng tín dụng số: HDTD37B201900314 ngày 25 tháng 12 năm 2019 là: 53.280.410 đồng (Trong đó: Tiền gốc vay: 40.015.992 đồng, tiền lãi trong hạn: 9.059.860 đồng, tiền lãi quá hạn: 4.204.558 đồng) **và yêu cầu** các bị đơn bà Lâm Thị Sà P và ông Danh Sà R tiếp tục chịu lãi suất quá hạn, các loại phí phát sinh theo quy định của pháp luật từ ngày khởi kiện cho đến khi tất toán xong khoản vay theo hợp đồng cho Ngân hàng thương mại cổ phần B.

Đối với các bị đơn bà Lâm Thị Sà P và ông Danh Sà R sau khi Tòa án thụ lý vụ án Tòa án đã tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án hợp lệ cho các bị đơn bà Lâm Thị Sà P và ông Danh Sà R nhưng các bị đơn bà Lâm Thị Sà P và ông Danh Sà R không có văn bản trả lời cho Tòa án. Sau đó, Tòa án có gửi Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vụ án hai (02) lần nhưng các bị đơn bà Lâm Thị Sà P và ông Danh Sà R vẫn không tham gia.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự như: Xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định. Về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc cấp tổng đạt đảm bảo đúng theo quy định. Tại phiên Tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Ngân hàng thương mại cổ phần B, buộc các bị đơn bà Lâm Thị Sà P và ông Danh Sà R phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần B đến hết ngày 03 tháng 3 năm 2023 đối với Hợp đồng tín dụng số: HDTD37B201900314 ngày 25 tháng 12 năm 2019 là: 53.280.410 đồng (Trong đó: Tiền gốc vay: 40.015.992 đồng, tiền lãi trong hạn: 9.059.860 đồng, tiền lãi quá hạn: 4.204.558 đồng) và tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc chưa trả từ ngày 04 tháng 3 năm 2023 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự có mặt, vắng mặt của các đương sự: Các bị đơn bà Lâm Thị Sà P và ông Danh Sà R đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về thủ tục thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần B: Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng nhận được đơn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần B cùng tài liệu, chứng cứ kèm theo do nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần B nộp trực tiếp tại Tòa án. Ngay sau khi nhận được đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, Tòa án thực hiện thủ tục nhận, xử lý đơn khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần B và thụ lý vụ án đúng quy định tại Điều 191 và Điều 195 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Tại phiên tòa hôm nay người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi yêu cầu, yêu cầu các bị đơn bà Lâm Thị Sà P và ông Danh Sà R trả nợ đối với Hợp đồng tín dụng số HDTD37B201900314 ngày 25 tháng 12 năm 2019, không yêu cầu nghĩa vụ trả nợ đối với Hợp đồng tín dụng số HDTD37B202100298 ngày 20 tháng 7 năm 2021. Hội đồng xét xử thấy rằng việc thay đổi của nguyên đơn không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu nên theo quy định tại khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần B khởi kiện yêu cầu các bị đơn bà Lâm Thị Sà P và ông Danh Sà R trả số tiền vay tính đến hết ngày 03 tháng 3 năm 2023 đối với theo Hợp đồng tín dụng số: HDTD37B201900314 ngày 25 tháng 12 năm 2019 thì các bị đơn bà Lâm Thị Sà P và ông Danh Sà R còn nợ số tiền gốc và tiền lãi là 53.280.410 đồng (Trong đó: Tiền gốc vay: 40.015.992 đồng, tiền lãi trong hạn: 9.059.860 đồng, tiền lãi quá hạn: 4.204.558 đồng) và tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc chưa trả từ ngày 04 tháng 3 năm 2023 cho đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng. Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp dân sự, quan hệ pháp luật để giải quyết là tranh chấp Hợp đồng tín dụng theo quy định

tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Các bị đơn bà Lâm Thị Sà P và ông Danh Sà R có địa chỉ tại ấp T, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu Điện Liên Việt. Hội đồng xét xử thấy rằng theo Hợp đồng tín dụng số: HDTD37B201900314 ký ngày 25 tháng 12 năm 2019, cụ thể như sau: Số tiền vay: 80.000.000 đồng; Thời hạn hiệu lực của hợp đồng cho vay là 48 tháng; Phương thức cho vay: Từng lần; Kỳ hạn trả gốc: Trả hàng tháng vào ngày 15, trả 48 kỳ, mỗi kỳ trả số tiền đều nhau theo phương thức gốc và lãi chia đều các kỳ. Kỳ trả nợ đầu tiên ngày 15-01-2020; Kỳ hạn trả nợ lãi: Trả hàng tháng cùng kỳ trả nợ gốc; Mục đích sử dụng vốn: Cho vay mua sắm trang thiết bị, nội thất gia đình; Lãi suất: 11%/năm; Phương thức áp dụng và điều chỉnh lãi suất: Áp dụng lãi suất cố định theo dư nợ gốc ban đầu (Add-on); Lãi suất phạt quá hạn: 150% lãi suất cho vay trong hạn; Tài sản bảo đảm: cho vay không có tài sản bảo đảm. Nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần B cung cấp được cho Tòa án Hợp đồng tín dụng số HDTD37B201900314 ký ngày 25 tháng 12 năm 2019; Giấy đề nghị vay vốn kèm phương án trả nợ lập ngày 24 tháng 12 năm 2019; Giấy đề nghị giải ngân kèm khế ước nhận nợ số: 37B201900314/001 ngày 25 tháng 12 năm 2019 tất cả đều có chữ ký, chữ viết của các bị đơn bà Lâm Thị Sà P và ông Danh Sà R.

Sau khi ký kết hợp đồng, đối với Hợp đồng tín dụng HDTD37B201900314 ký ngày 25 tháng 12 năm 2019, các bị đơn bà Lâm Thị Sà P và ông Danh Sà R đã nhận đủ số tiền 80.000.000 đồng tại Ngân hàng thương mại cổ phần B – Phòng giao dịch Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng. Sau khi vay vốn thì các bị đơn bà Lâm Thị Sà P và ông Danh Sà R đã thanh toán cho nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần B được tiền gốc và tiền lãi tổng cộng là: 58.047.811 đồng (trong đó: Tiền gốc vay là 39.984.008 đồng; Tiền lãi là 18.063.803 đồng).

Như vậy, có căn cứ xác định các bị đơn bà Lâm Thị Sà P và ông Danh Sà R có giao kết hợp đồng với nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần B để vay số tiền 80.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số HDTD37B201900314 ký ngày 25 tháng 12 năm 2019. Các bên tiến hành giao kết Hợp đồng trên nguyên tắc tự nguyện, hình thức và nội dung Hợp đồng tại thời điểm xác lập phù hợp với quy định của pháp luật, lãi suất các bên thỏa thuận phù hợp với Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng. Do đó, Hợp đồng trên có giá trị pháp lý và buộc các bên phải thực hiện theo đúng hợp đồng. Tuy nhiên, sau khi vay các bị đơn bà Lâm Thị Sà P và ông Danh Sà R đã không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo đúng cam kết. Tính đến hết ngày 03 tháng 3 năm 2023 đối với Hợp đồng tín dụng số HDTD37B201900314 ký ngày 25 tháng 12 năm 2019, các bị đơn bà Lâm Thị Sà P và ông Danh Sà R trả được gốc và lãi 58.047.811 đồng, như vậy các bị đơn bà Lâm Thị Sà P và ông Danh Sà R không thực hiện việc trả vốn và lãi đúng theo thỏa thuận nên đã vi phạm tại Điều 4 “trả nợ gốc và lãi”, Điều 7 “chấm dứt cho vay và

thu hồi vốn trước thời hạn” của Hợp đồng tín dụng số HDTD37B201900314 ký ngày 25 tháng 12 năm 2019.

Hiện nay các bị đơn bà Lâm Thị Sà P và ông Danh Sà R còn nợ của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần B tiền gốc và tiền lãi vay tính đến hết ngày 03 tháng 3 năm 2023 đối với Hợp đồng tín dụng số HDTD37B201900314 ký ngày 25 tháng 12 năm 2019, tổng cộng là: 53.280.410 đồng (Trong đó: Tiền gốc vay: 40.015.992 đồng, tiền lãi trong hạn: 9.059.860 đồng, tiền lãi quá hạn: 4.204.558 đồng). Xét thấy, các bị đơn bà Lâm Thị Sà P và ông Danh Sà R đã nhận tiền gốc vay của Ngân hàng thương mại cổ phần B số tiền là 80.000.000 đồng nhưng không thực hiện nghĩa vụ trả tiền vốn và lãi theo thỏa thuận. Tính đến hết ngày 03 tháng 3 năm 2023 các bị đơn bà Lâm Thị Sà P và ông Danh Sà R thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần B tiền gốc vay được là 39.984.008 đồng, còn nợ lại tiền vốn 40.015.992 đồng là vi phạm vào Điều 4 “*Trả nợ gốc và lãi*” và Điều 7 “*chấm dứt cho vay và thu hồi vốn trước thời hạn*” theo Hợp đồng tín dụng số HDTD37B201900314 ký ngày 25 tháng 12 năm 2019 giữa nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần B và các bị đơn bà Lâm Thị Sà P và ông Danh Sà R đã ký kết. Vì vậy, cần buộc các bị đơn bà Lâm Thị Sà P và ông Danh Sà R phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần B số tiền gốc vay còn lại 40.015.992 đồng là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về lãi suất: Ngân hàng thương mại cổ phần B yêu cầu tính lãi suất trong hạn 10,5%/năm. Lãi quá hạn 15,75%/năm. Xét thấy, mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng tại thời điểm xác lập Hợp là phù hợp với quy định của Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng. Do đó yêu cầu tính lãi của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần B là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Cụ thể nợ lãi tính đến hết ngày 03 tháng 3 năm 2023 là 13.264.418 đồng (trong đó: tiền lãi trong hạn: 9.059.860 đồng; lãi quá hạn: 4.204.558 đồng).

Như vậy, tổng số tiền vốn và tiền lãi vay mà các bị đơn bà Lâm Thị Sà P và ông Danh Sà R phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần B là 53.280.410 đồng (Trong đó: Tiền gốc vay: 40.015.992 đồng, tiền lãi trong hạn: 9.059.860 đồng, tiền lãi quá hạn: 4.204.558 đồng).

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần B được chấp nhận nên các bị đơn bà Lâm Thị Sà P và ông Danh Sà R phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 63; khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 244; Điều 266; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 463; Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015

Căn cứ Điều 91; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần B.

Buộc các bị đơn bà Lâm Thị Sà P và ông Danh Sà R có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần B số tiền vốn và lãi vay tính đến hết ngày 03 tháng 3 năm 2023 theo Hợp đồng tín dụng số HDTD37B201900314 ký ngày 25 tháng 12 năm 2019 tiền gốc vay và tiền lãi là: 53.280.410 đồng (*năm mươi ba triệu, hai trăm tám mươi nghìn, bốn trăm mười đồng*), cụ thể: Tiền gốc vay: 40.015.992 (*bốn mươi triệu, không trăm mười lăm nghìn, chín trăm chín mươi hai đồng*); tiền lãi trong hạn: 9.059.860 đồng (*chín triệu, không trăm năm mươi chín nghìn, tám trăm sáu mươi đồng*); Tiền lãi quá hạn: 4.204.558 đồng (*bốn triệu, hai trăm lẻ bốn nghìn, năm trăm năm mươi tám đồng*).

Kể từ ngày 04 tháng 3 năm 2023 các bị đơn bà Lâm Thị Sà P và ông Danh Sà R còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn 15.75%/năm của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất đã thoả thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thoả thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ thì lãi suất các bị đơn bà Lâm Thị Sà P và ông Danh Sà R phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần B cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất Ngân hàng thương mại cổ phần B.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Các bị đơn bà Lâm Thị Sà P và ông Danh Sà R phải chịu án phí số tiền 2.664.021 đồng (*hai triệu, sáu trăm sáu mươi bốn nghìn, không trăm hai mươi một đồng*).

Ngân hàng thương mại cổ phần B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần B số tiền án phí đã nộp là 1.494.926 (*một triệu, bốn trăm chín mươi bốn nghìn, chín trăm hai mươi sáu đồng*) theo biên lai thu số 0005220 ngày 27 tháng 10 năm 2022 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

4. Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; các bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi hành án Dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi hành án Dân sự năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi hành án Dân sự năm 2014.

Nơi nhận

- Các đương sự;
- VKSND huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng;
- TAND tỉnh Sóc Trăng (Phòng KTNV&THA);
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thu Hồng

